**PHỤ LỤC**

**Điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án khẩn cấp:** **Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ giãn dân tại làng Xộp, xã Mô Rai, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum Rông**

(*Kèm theo Tờ trình số: 165 /TTr-UBND ngày 29/9/2021 của UBND tỉnh*)

| **TT** | **Nội dung** | **Chủ trương đầu tư dự án tại Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 17/4/2020 và số 46/NQ-HĐND ngày 29/4/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh** | **Đề nghị điều chỉnh** |
| --- | --- | --- | --- |
| **1** | **Mục tiêu đầu tư** | Giải quyết nhu cầu đất ở cho khoảng 700 hộ dân *(trong đó sắp xếp ổn định tại chỗ cho khoảng 50 hộ dân, còn lại là cho lực lượng công nhân của nhà máy)*; đồng thời, khai thác hiệu quả các nguồn lực từ đất đai gắn với đầu tư kết cấu hạ tầng, từng bước đồng bộ cơ sở hạ tầng tại khu vực Trung tâm xã. | Giải quyết nhu cầu đất ở cho khoảng 1.200 hộ dân *(trong đó sắp xếp ổn định tại chỗ cho khoảng 100 hộ dân, còn lại là cho lực lượng công nhân của nhà máy)*; đồng thời, khai thác hiệu quả các nguồn lực từ đất đai gắn với đầu tư kết cấu hạ tầng, từng bước đồng bộ cơ sở hạ tầng tại khu vực Trung tâm xã. |
| **2** | **Quy mô đầu tư** | Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ cho khoảng 700 hộ dân với diện tích khoảng 42ha, gồm các hạng mục chính:  - San ủi mặt bằng khoảng 24ha.  - Tuyến đường nội bộ khu dân cư có tổng chiều dài khoảng 4,9 km.  + Tuyến N1 (tuyến chính): Tổng chiều dài xây dựng khoảng 0,7km; nền đường Bn = 24m; mặt đường Bm = 15m.  + Các tuyến nhánh: N2, N3, N4, N5, N6, N7, N8, N9, N10: Tổng chiều dài xây dựng các tuyến nhánh khoảng 4,2km; nền đường Bn = 13m; mặt đường Bm = 7m.  + Công trình thoát nước và An toàn giao thông.  - Lưới điện sinh hoạt gồm trạm biến áp, đường dây 22kV và đường dây hạ thế 0,4kV dài khoảng 5km.  - Hệ thống cấp nước sinh hoạt gồm trạm bơm, khu xử lý nước và mạng lưới đường ống phân phối nước chiều dài khoảng 12km.  - Hồ chứa nước với chiều dài tuyến đập khoảng 160m, kết cấu đập đất kết hợp gia cố mái bê tông. | Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ cho khoảng 1.200 hộ dân với diện tích khoảng 73ha, gồm các hạng mục chính:  - San ủi mặt bằng khoảng 48ha.  - Tuyến đường nội bộ khu dân cư có tổng chiều dài khoảng 9,6 km.  + Tuyến N1 (tuyến chính): Tổng chiều dài xây dựng khoảng 1,63km; nền đường Bn = 24m; mặt đường Bm = 15m.  + Các tuyến nhánh: N2, N3, N4, N5, N6, N7, N8, N9, N10: Tổng chiều dài xây dựng các tuyến nhánh khoảng 4,2km; nền đường Bn = 13m; mặt đường Bm = 7m.  + Các tuyến nhánh: N11, N12 N13, N14, N15, N16, N17, N18, N19: Tổng chiều dài xây dựng các tuyến nhánh khoảng 3,77km; nền đường Bn = 13m; mặt đường Bm = 7m.  + Công trình thoát nước và An toàn giao thông.  - Lưới điện sinh hoạt gồm trạm biến áp, đường dây 22kV và đường dây hạ thế 0,4kV dài khoảng 10,4km.  - Hệ thống cấp nước sinh hoạt gồm trạm bơm, khu xử lý nước và mạng lưới đường ống phân phối nước chiều dài khoảng 17,5km.  - Hồ chứa nước với chiều dài tuyến đập khoảng 160m, kết cấu đập đất kết hợp gia cố mái bê tông. |
| **3** | **Nhóm dự án** | Nhóm C | Nhóm B |
| **4** | **Tổng mức đầu tư** | Khoảng 75.000 triệu đồng | Khoảng 123.000 triệu đồng |
| **5** | **Cơ cấu nguồn vốn[[1]](#footnote-1)** | - Ngân sách tỉnh *(nguồn tăng thu, tiết kiệm chi năm 2019, 2020 (nếu có) và nguồn cân đối ngân sách địa phương trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025)*: 35.000 triệu đồng  - Ngân sách huyện: Khoảng 40.000 triệu đồng | - Ngân sách tỉnh *(nguồn tăng thu, tiết kiệm chi năm 2019, 2020 (nếu có) và nguồn cân đối ngân sách địa phương trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025)*: 35.000 triệu đồng  - Ngân sách huyện: Khoảng 88.000 triệu đồng |
| **6** | **Thời gian thực hiện** | 2 năm | 4 năm |
| **7** | **Tiến độ thực hiện dự án** | Từ năm 2020-2021 | Từ năm 2020-2023 |

1. Cơ cấu nguồn vốn được điều chỉnh tại Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 29-4-2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh [↑](#footnote-ref-1)